NÓI VỚI CÁC BẠN TRẺ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC VỀ BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

- Biển Đông với Hoàng Sa, Trường Sa và Vịnh Bắc Việt là một vấn đề rối mù. Rối mù về địa lý, về pháp lý và nhất là do chiến thuật hỏa mù của Trung Quốc. Do đó, chúng ta cần trình bày vấn đề minh bạch và đơn giản.

VỀ ĐỊA LÝ

*Hoàng Sa gồm 13 đảo san hô tí hon tại các vĩ tuyến 17-15 Bắc, phía đông Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

*Trường Sa với 9 đảo nhỏ hơn nữa tại các vĩ tuyến 12-7 Bắc, dọc từ Cam Ranh về Nam Cà Mau. Có khoảng 500 đảo, cồn, đá, bãi nằm rải rác trên biển cả, từ Việt Nam qua Phi Luật Tân, không có thường dân cư ngụ và không tự túc về kinh tế. Trong số này chỉ có hơn 50 đơn vị có địa danh, gồm 28 cao địa và hơn 20 đơn vị đá chìm và bãi ngầm.

a) Từ 1974 Trung Quốc chiếm toàn thể HOÀNG SA gồm 13 đảo:

7 đảo phía Đông Bắc thuộc Nhóm Tuyên Đức (Amphitrite) trong đó có Đảo Phú Lâm (Woody Island) hình bầu dục, diện tích 1.3km2. Nếu là hình chữ nhật, bề dài có thể là 1300m và bề ngang 1000m (bằng một công viên nhỏ). Phú Lâm là đảo lớn nhất tại Hoàng Sa và Trường Sa.

6 đảo phiá Tây Nam thuộc Nhóm Nguyệt Thiềm (Crescent), trong đó có Đảo Hoàng Sa (Pattel) rộng 0.56km2 bằng 1/2 Phú Lâm và bằng 1/1000 Phú Quốc (568 km2).
b) Vùng biển TRƯỜNG SA bao la (180.000 dậm vuông) rộng gấp 10 lần HOÀNG SA , nhưng chỉ có 9 tiểu đảo.

Việt Nam chiếm 3 đảo: Trường Sa (Spratley), Nam Yết (Namyit) và Sinh Tồn (Sincowe).

Phi Luật Tân chiếm 5 đảo: Bình Nguyên (Flat), Vĩnh Viễn
(Nanshan), Bến Lộc (West York), Loại Tá (Loaita) và Thị Tứ (Thitu).

Đài Loan chiếm Đảo Thái Bình (Itu Aba).

Đảo Trường Sa diện tích 0.13km2, bằng 1/10 Phú Lâm.

Có tin mới đây Đài Loan đã rút quân khỏi Đảo Thái Bình, hòn đảo lớn nhất tại Trường Sa.

Ngoài 3 đảo, Việt Nam còn chiếm 3 cồn (cay) là An Bang (Amboyna), Song Tử Tây (SouthWest) và Sơn Ca (Sand), cùng 7 đá nổi, 9 đá chìm và bãi ngầm, tổng cộng 22 đơn vị.

Ngoài 5 đảo, Phi Luật Tân còn chiếm 3 cồn , 2 đá nổi và 8 đá chìm, tổng cộng 18 đơn vị.

Trung Quốc chiếm 2 đá nổi (reef) là Đá Chữ Thập (Fiery Cross) và Đá Ga Ven (Gaven), cùng 6

đá chìm, tổng cộng 8 đơn vị.

Câu hỏi đặt ra là: Tại sao từ 1974 khi Trung Quốc chiếm toàn thể Hoàng Sa, và nhất là từ 1988 khi xâm lấn Trường Sa, họ lại không thừa thắng xông lên để chiếm thêm một số hải đảo mà phải lấy một hòn đá (Đá Chữ Thập) làm địa điểm chỉ huy ?

Thực ra Trung Quốc chỉ muốn thương thảo song phương với các quốc gia duyên hải về phương thức khai thác chung dầu khí tại thềm lục địa (không phải của họ).

VỀ PHÁP LÝ

Địa cầu gồm 3 phần đất và 7 phần nước. Nếu có luật quốc tế cho các lãnh thổ thì cũng phải có Luật Biển cho vùng lãnh hải. Năm 1982, 119 quốc gia ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển (Law of the Sea Convention hay Los Convention) trong đó có Trung Quốc và Việt Nam.

Sau đây là định nghĩa về biển lịch sử, đường căn bản, biển lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, hải đảo và quần đảo.

1. Biển Lịch Sử (historic waters).

Theo Toà Án Quốc Tế và Điều 8 Luật Biển, biển lịch sử là nội hải nằm về phía đất liền, bên trong đường căn bản của biển lãnh thổ. Như vậy biển lịch sử không thể là Nam Hải cách lục địa Trung Hoa tới 2 000 cây số.

2. Đường căn bản (baselines) là lằn nước thủy triều xuống thấp.

3. Biển lãnh thổ (territorial sea) rộng 12 hải lý tính từ đường căn bản ra khơi.

4. Nối tiếp biển lãnh thổ 12 hải lý là Vùng Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý để đánh cá. (Exclusive Economic Zone, 200-mile-fishery zone).

5. Vùng Đặc Quyền Kinh Tế trùng điệp với Thềm Lục Địa (Continental Shelf) 200 hải lý để khai thác dầu khí.

Thềm lục địa thuộc chủ quyền tuyệt đối của quốc gia duyên hải trong việc khai thác dầu khí. Quyền này không tùy thuộc vào điều kiện chiếm cứ (occupation) hay công bố (declaration) (Điều 77). Do đó việc Trung Cộng chiếm đóng một số đảo, đá, bãi tại Hoàng Sa và Trường Sa không có tác dụng tước đoạt chủ quyền của Việt Nam tại thềm lục địa.

6. Hải đảo và quần đảo

Các hải đảo (như Đài Loan hay Tích Lan) được quyền có biển lãnh thổ 12 hải lý, và quy chế vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa 200 hải lý. Tuy nhiên, các tiểu đảo không có thường dân cư ngụ và không tự túc về kinh tế (như Hoàng Sa,Trường Sa) không được hưởng quy chế này. (Điều 121).

Trong án lệ Lybia/Malta (l985) Tòa án không đồng hóa đảo Malta với lục địa, dầu rằng Malta có 350 ngàn dân cư ngụ trên một diện tích 122 dặm vuông.

Theo định nghĩa, quần đảo bao gồm các hải đảo nằm san sát bên nhau và có diện tích ít nhất bằng 1/9 vùng biển nơi tọa lạc (như các quần đảo Nam Dương hay Phi Luật Tân).

Như vậy:

1) Hoàng Sa, Trường Sa không phải là "quần đảo" luật định vì có diện tích quá nhỏ (4 dặm vuông) trong một vùng biển bao la (180 ngàn dặm vuông).

2) Các tiểu đảo (trên 20 hòn) tại Hoàng Sa Trường Sa không phải là "đảo" luật định, và không được hưởng quy chế 200 hải lý để đánh cá và khai thác dầu khí.

ĐẤU LÝ VÀ ĐẤU PHÁP

Năm l982 với tư cách một ngũ cường, Trung Hoa hoan hỉ ký Công Ước về Luật Biển. Ký xong, Bắc Kinh mới thấy lo! Những điều khỏan trong Công Ước đã quá rõ rệt. Các quốc gia duyên hải chỉ được hưởng quy chế 200 hải lý vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa kể từ biển lãnh thổ.

Trong khi đó Trường Sa cách lục địa Trung Hoa khoảng 750 hải lý, nên không nằm trong thềm lục địa của Trung Hoa. Hoàng Sa cũng cách Hoa Lục lối 270 hải lý.
Tại bờ biển Việt Nam, thềm lục địa chạy thoai thoải từ dãy Trường Sơn ra Hoàng Sa.Về địa hình, Hoàng Sa là một hành lang của Trường Sơn từ Cù Lao Ré ra khơi. Đây là những bình nguyên của thềm lục địa Việt Nam trên mặt biển. Năm 1925, nhà địa chất học quốc tế Tiến Sĩ Khoa Học A. Krempf, Giám Đốc Viện Hải Học Đông Dương, sau 2 năm nghiên cứu và đo đạc đã lập phúc trình và kết luận: "VỀ MẶT ĐIA CHẤT, NHỮNG ĐẢO HOÀNG SA LÀ THÀNH PHẦN CỦA VIỆT NAM" (Géologiquement les Paracels font partie du Vietnam).

Tại Trường Sa cũng vậy. Về độ sâu và địa hình đáy biển, các đảo cồn đá bãi Trường Sa là sự tiếp nối tự nhiên của thềm lục địa Việt Nam. Tại bãi Tứ Chính , nơi khai thác dầu khí, biển sâu không tới 400m, và tại vùng đảo Trường Sa độ sâu chỉ tới 200m. Bãi Tứ Chính cách bờ biển Việt Nam khoảng 190 hải lý và cách lục địa Trung Hoa tới 780 hải lý. Trường Sa cách Việt Nam 220 hải lý và cách Hoa Lục 750 hải lý. Từ Trường Sa về bờ biển Trung Hoa có rãnh biển sâu hơn 4.600m.

Bị ràng buộc bởi Luật Biển với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa 200 hải lý, Trung Hoa tung ra CHIẾN DỊCH HỎA MÙ, gây bất ổn, tranh chấp lung tung, thao diễn, phóng hỏa tiễn, lấn chiếm bừa bãi tại miền bờ biển để gây tiếng vang. Mục đích để phá rối an ninh trật tự, làm cản trở giao thông trên mặt biển, tạo áp lực, hù dọa và khuyến dụ các quốc gia Đông Nam Á hãy tạm gác vấn đề tranh chấp chủ quyền hải đảo để cùng nhau KHAI THÁC DÂÙ KHÍ CHUNG TẠI THỀM LỤC ĐỊA VÀ ĐÁNH CÁ CHUNG TẠI VÙNG ĐẶC QUYỀN KINH TẾ.

BIỂN LICH SỬ: THỦ ĐẮC CHỦ QUYỀN DO KHÁM PHÁ

Năm 1982, Bắc Kinh tập hợp 400 học giả, ngày đêm nghiên cứu, thảo luận trong suốt 10 năm để

kết luận rằng Nam Hải là Biển Lịch Sử của Trung Hoa Biển Lịch Sử hay Lưỡi Rồng Trung Quốc nằm sát bờ biển Việt Nam, cách Quảng Ngãi 40 hải lý, cách Natuna (Nam Dương) 30 hải lý, và cách Palawan (Phi Luật Tân) 25 hải lý. Nó chiếm trọn 3 tuí dầu khí: Tứ Chính (Vanguard) của Việt Nam, Natuna của Nam Dương và Cỏ Rong (Reed Bank) của Phi Luật Tân

Trung Quốc đưa ra nhiều tài liệu lịch sử để chứng minh rằng từ đời Hán Vũ Đế 100 ngàn hải quân Trung Hoa đi tuần thám đã khám phá các đảo Nam Hải. Sự khám phá này được tiếp tục dưới đời nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh và nhà Thanh.

Những tài liệu lịch sử này không đáng tin cậy:

1. Chính sách bế quan tỏa cảng.

Suốt chiều dài lịch sử, Trung Hoa không bao giờ chủ trương chinh phục đại dương. Thuyết bế quan tỏa cảng được áp dụng từ đời nhà Tần (thế kỷ thứ 3 trước công nguyên). Vạn Lý Trường Thành không chỉ là một kiến trúc mà còn là một nhân sinh quan. Miền bờ biển được coi là nơi hoang vu man rợ. Đảo Hải Nam là chốn lưu đày các tù nhân biệt xứ. Cho đến thế kỷ 20, chính sách bế quan tỏa cảng vẫn được thi hành.

Với tâm lý tự cô lập, không thể có 100 ngàn quân Trung Hoa đời Tây Hán đi khám phá các đảo san hô tí hon tại Nam Hải. Rất có thể đó chỉ là 10 vạn quân của Tào Tháo mượn lệnh Hán Đế đi xâm chiếm Đông Ngô và đã bị Chu Du đánh tan trong trận Xích Bích.

Các chuyến hải hành đời nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, và nhà Thanh chỉ là những cuộc nam chinh nhằm thôn tính Việt Nam. Lịch sử đã ghi việc Lê Đại Hành phá tan thủy binh của Lưu Trừng nhà Tống, quân Trần Hưng Đạo bắn chết Toa Đô và bắt sống Ô Mã Nhi nhà Nguyên, Lê Lợi đánh bại hải quân tiếp viện cho Vương Thông nhà Minh, và Quang Trung phá tan hải quân của đề đốc Hứa Thế Hanh nhà Thanh. Việc các thủy binh đời Minh Thành Tổ đi thăm viếng các quốc gia Á Châu nếu có, cũng không có tác dụng thủ đắc chủ quyền tại các hải đảo. Từ thế kỷ l5, các nhà thám hiểm Bồ Đào Nha như Vasco de Gama và Magellan đã đi xuyên 3 đại dương từ Đại Tây Dương, vượt Ấn Độ Dương qua Thái Bình Dương, khám phá hàng ngàn hải đảo kể cả Phi Luật Tân và Guam. Nhưng Bồ Đào Nha cũng không đòi chủ quyền các hải đảo này.

2. Danh xưng Nam Hải.

Theo chính các học giả Trung Hoa, Nam Hải là tên biển của Hoa Nam, cách Quảng Đông 50 dậm về phía Nam. Các nhà hàng hải Tây Phương muốn cho tiện nên gọi đó là Biển Nam Hoa (South China Sea) (ngoại nhân xưng Nam Trung Quốc Hải).

Theo Tự Điển Tối Tân Thực Dụng Hán Anh xuất bản tại Hồng Kông năm 1971 thì "Nam Hải là vùng biển kéo dài từ Eo Biển Đài Loan đến Quảng Đông". (The Southern Sea stretching from the Taiwan Straits to Kwantung.)

Theo Từ Điển Từ Hải xuất bản năm 1948, thì Nam Hải thuộc chủ quyền hải phận chung của 5 nước là Trung Hoa, Việt Nam, Mã Lai, Phi Luật Tân và Đài Loan.

DO ĐÓ NAM HẢI KHÔNG PHẢI LÀ BIỂN CỦA TRUNG HOA VỀ PHÍA NAM. CŨNG NHƯ ẤN ĐỘ DƯƠNG KHÔNG PHẢI LÀ ĐẠI DƯƠNG CỦA ẤN ĐỘ.

Năm 1983, Trung Quốc vẽ lại bản đồ, đòi chủ quyền hải phận toàn thể vùng biển Đông Nam Á. Họ coi Nam Hải là một thứ nội hải theo kiểu Đế Quốc La Mã coi Địa Trung Hải là biển của chúng tôi (Mare Nostrum).

3. Luật pháp và án lệ.

Theo Tòa Án Quốc Tế, biển lịch sử chỉ là nội hải. Hơn nữa, Điều 8 Công Ước về Luật Biển (l982) đã kết thúc mọi cuộc tranh luận khi quy định: "Biển lịch sử hay nội hải của một quốc gia nằm về phía đất liền, bên trong đường căn bản của biển lãnh thổ" [The International Court of Justice has defined historic waters as internal waters. "Waters on the landward side of the baseline of the territorial sea form part of the internal waters of the State" Art.8 Los Convention (1982)].

Như vậy Nam Hải không phải là Biển Lịch Sử của Trung Hoa, vì nó là ngoại hải và cách bờ biển Trung Hoa tới hai ngàn cây số.

Và công trình 10 năm nghiên cứu của 400 học giả Trung Quốc chỉ là công "dã tràng xe cát Biển Đông, nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì!"

THỦ ĐẮC CHỦ QUYỀN DO CHIẾM CỨ

Theo công pháp quốc tế, muốn thủ đắc chủ quyền các đất vô chủ (terra nullius), sự chiếm cứ phải có những đặc tính sau đây:

a) Chiếm cứ thực sự

Tại Trường Sa trong số 28 cao địa, Trung Hoa chỉ chiếm 2 đá nổi, trong khi Việt Nam chiếm 13. Và trong hơn 50 đơn vị có địa danh, Trung Hoa chỉ chiếm 8, so với 22 của Việt Nam.

b) Chiếm cứ hòa bình.

Trong những năm 1974 và 1988 Trung Hoa dùng võ trang chiếm Hoàng Sa và một số đá, bãi tại Trường Sa. Tuy nhiên sự chiếm cứ không có tính hòa bình nên không được luật pháp bảo vệ. Cũng như thời Đệ Nhị Thế Chiến, Nhật Bản chiếm Hoàng Sa và Trường Sa bằng võ lực nên không có chủ quyền hợp pháp.

c) Chiếm cứ liên tục và trường kỳ

Không có sự phủ nhận rằng ít nhất từ 1816, dưới đời vua Gia Long, Việt Nam đã chiếm cứ công khai, liên tục, hòa bình các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bia chủ quyền do người Pháp dựng năm 1938 có ghi rõ:

République Francaise (Cộng Hòa Pháp)

Empire d'Annam (Vương Quốc Việt Nam)
Archipel des Paracels (Quần Đảo Hoàng Sa)
1816 -Ile de Pattle 1938 (Đảo Hoàng Sa)

Lịch sử Trung Hoa không mang lại bằng chứng nào cho biết họ đã liên tục chiếm cứ Hoàng Sa, Trường Sa từ đời Hán Vũ Đế hay ít nhất từ đời Mãn Thanh.

Sau Đệ Nhị Thế Chiến, khi quân đội Nhật Bản rút lui, Trung Hoa chiếm một phần Hoàng Sa (Nhóm Tuyên Đức phía Đông Bắc). Năm 1974 họ dùng võ trang chiếm nốt Nhóm Nguyệt Thiềm phía Tây Nam. Tại Trường Sa lần đầu tiên, năm l988, họ chiếm một số đá, bãi bằng võ lực. Sự chiếm cứ này vô hiệu vì không có tính hòa bình. Vả lại tới l974 và l988 các đảo Hoàng Sa-Trường Sa đã do Việt Nam chiếm đóng, nên không thể coi là đất vô chủ (terra nullius).

d) Hơn nữa sự chiếm cứ phải được thừa nhận bởi các quốc gia liên hệ.

1) Năm 1951 tại Hội Nghị Cựu Kim Sơn, 51 quốc gia đồng minh ký Hiệp Ước Hòa Bình Nhật Bản trong đó Nhật Bản từ bỏ chủ quyền về Hoàng Sa Trường Sa, nhưng không nói để trả cho nước nào. Đại biểu Liên Xô yêu cầu Hội Nghị biểu quyết trả cho Trung Hoa. Nhưng Hội Nghị đã bác bỏ thỉnh cầu này với 46 phiếu chống. Sau đó phái đoàn Việt Nam lên diễn đàn minh thị công bố chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa Trường Sa, và không gặp sự phản kháng nào.

2) Sự thừa nhận chỉ có nghĩa nếu xuất phát từ các quốc gia duyên hải liên hệ. Vì các đảo này tọa lạc tại Biển Đông Nam Á, nên chỉ các quốc gia Đông Nam Á mới có thẩm quyền thừa nhận. Mà cho đến nay tất cả các quốc gia Đông Nam Á không nước nào thừa nhận chủ quyền của Trung Hoa tại Hoàng Sa Trường Sa.

3) Tuy nhiên Bắc Kinh còn viện dẫn văn thư ngày 14-9-1958 của Thủ Tướng Phạm Văn Đồng gởi Thủ Tướng Chu Ân Lai để chủ trương rằng Việt Nam đã thừa nhận chủ quyền của Trung Hoa tại Hoàng Sa và Trường Sa.

Về mặt pháp lý sự thừa nhận này vô giá trị. Vì Trường Sa Hoàng Sa thuộc lãnh hải Việt Nam Cộng Hòa. Vấn đề lãnh thổ và lãnh hải thuộc thẩm quyền của quốc dân do quốc hội đại diện, chứ không thuộc hành pháp là cơ quan chấp hành luật pháp của quốc hội. Vả lại Quốc Hội Việt Nam trong những năm 1956 và 1966 đã công bố chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa. Một văn thư của Chính Phủ Hà Nội năm 1958 không có hiệu lực thừa nhận chủ quyền các hải đảo thuộc lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa hồi đó.

THỀM LỤC ĐỊA

Vấn đề thực sự tại Trường Sa Hoàng Sa là vấn đề thềm lục địa nơi khai thác dầu khí.

Về Trường Sa.

Tại Trường Sa bãi dầu khí Tứ Chính (Vanguard) cách bờ biển Việt Nam khoảng 190 hải lý và cách bờ biển Trung Hoa lối 780 hải lý, nên thuộc thềm lục địa Việt Nam.

Về Hoàng Sa.

Hoàng Sa cách bờ biển Trung Hoa khoảng 270 hải lý và cách bờ biển Việt Nam lối 155 hải lý nên thuộc thềm lục địa Việt Nam. Khoảng cách từ cù lao Ré (Quảng Ngãi) ra đảo Tri Tôn chỉ có 123 hải lý. Về mặt địa hình đáy biển Hoàng Sa là sự tiếp nối tự nhiên của dãy Trường Sơn từ đất liền chạy ra biển. Có thể nói Hoàng Sa là những bình nguyên của thềm lục địa Việt Nam trên mặt biển. Chiếu Luật Biển 1982 quyền của các quốc gia duyên hải tại thềm lục địa không tùy thuộc vào sự chiếm cứ (Điều 77). Do đó sự chiếm đóng võ trang của quân đội Trung Hoa không có tác dụng tước đoạt chủ quyền của Việt Nam tại thềm lục địa Hoàng Sa.

CÁC TIÊU CHUẨN:

Ủy Ban Phân Ranh Thềm Lục Địa Liên Hiệp Quốc và Toà Án Quốc Tế đưa ra 10 tiêu chuẩn để phân ranh hải phận hay đồng hóa hải đảo vào lục địa:

1) Vị trí của các đảo đối với bờ biển tiếp cận. Tại vùng Hoàng Sa, đảo Tri Tôn chỉ cách lục địa Việt Nam 135 hải lý, trong khi đảo Hoàng Sa cách lục địa Trung Hoa tới 270 hải lý.

2) Diện tích các hải đảo so sánh với chiều dài bờ biển tiếp cận. Đảo Hoàng Sa quá nhỏ bé (0.56km2) chỉ bằng 1/1000 đảo Phú Quốc (568km2), trong khi bờ biển Việt Nam dài gấp 10 lần bờ đảo Hải Nam phía tiếp giáp Hoàng Sa.

3) Về độ sâu và địa hình đáy biển, các đảo, cồn, đá, bãi Hoàng Sa và Trường Sa là sự tiếp nối tự nhiên từ lục địa Việt Nam ra biển. Độ sâu tại Hoàng Sa là 900m và tại Trường Sa là 200m. Từ Hoàng Sa Trường Sa về Hoa Lục có 2 rãnh biển sâu hơn 2300m và 4600m.

4) Về mặt địa chất, sau 2 năm nghiên cứu và đo đạc, năm 1925 Tiến Sĩ Khoa Học A. Krempt xác nhận rằng "Hoàng Sa là thành phần của Việt Nam ".

5) Về dân số, các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa không có thường dân cư ngụ, và không thể tự túc về kinh tế. Trong khi đó số dân cư ngụ tại miền bờ biển Việt Nam đông gấp mười số dân sinh sống tại đảo Hải Nam.

6) Về sinh thực học và khí hậu tại Hoàng Sa và Trường Sa, các đảo san hô cũng như cây cỏ và sinh vật tiêu biểu cho vùng nhiệt đới (Việt Nam), chứ không thấy ở vùng ôn đới (Trung Hoa).

7) Về Khu Đặc Quyền Kinh Tế (để đánh cá), Biển Đông (với Hoàng Sa và Trường Sa) là khu vực đánh cá căn bản của Việt Nam. Trong khi đó, ngoài hải phận về phía Tây, Đảo Hải Nam còn được thêm 200 hải lý để đánh cá về phía Đông thông qua Thái Bình Dương,.

8) Tại thềm lục địa Việt Nam những vùng có dầu khí nằm giữa Vịnh Bắc Việt và khu bãi Tứ Chính phía Đông Nam Cà Mau. Đây là nơi kết tầng các thủy tra thạch chứa đựng các chất hữu cơ do nước phù sa sông Hồng Hà và sông Cửu Long đổ ra biển từ hàng triệu năm nay. Do đó dầu khí nếu có là do các chất hữu cơ từ lục địa Việt Nam chứ không phải từ Hoa Lục. Hơn nữa, ngoài hải phận về phía Tây, Đảo Hải Nam còn được 200 hải lý thềm lục địa để khai thác dầu khí

về phía Đông thông qua Thái Bình Dương.

9) Biển Đông với Hoàng Sa Trường Sa có ảnh hưởng kinh tế, chiến lược và an ninh quốc phòng mật thiết với Việt Nam hơn là Trung Hoa. Vì Trung Hoa còn có biển Hoàng Hải và Đông Trung Quốc Hải chạy thông qua Thái Bình Dương.

10) Các tài liệu, sách báo, họa đồ, các chứng tích lịch sử v...v...
phải có tính xác thực. Dầu sao các tài liệu này không có giá trị bằng các yếu tố khách quan khoa học như địa lý, địa hình, địa chất, dân số, sinh thực học, khí hậu cùng những yếu tố về ảnh hưởng kinh tế, chiến lược và an ninh quốc phòng.

VỀ VỊNH BẮC VIỆT

Vấn đề phân ranh thềm lục địa hay hải phận tại Vịnh Bắc Việt cũng phải được giải quyết theo 8 tiêu chuẩn: 1) Vị trí và sự hiện diện của các đảo 2) chiều dài bờ biển 3) mật độ dân số 4) độ sâu và địa hình đáy biển 5) địa chất 6) vùng đặc quyền kinh tế để đánh cá 7) thềm lục địa để khai thác dầu khí 8) ảnh hưởng kinh tế, chiến lược và an ninh quốc phòng.

Đây là những điểm đặc thù ảnh hưởng đến việc phân định lãnh hải. Nếu đưa nội vụ ra trước Ủy Ban Phân Ranh Thềm Lục Địa, Tòa Án Trọng Tài hay Tòa Án Quốc Tế, Việt Nam sẽ có ưu thế.

KẾ HOẠCH THÔN TÍNH BIỂN ĐÔNG CỦA TRUNG QUỐC

Theo Công Ước về Luật Biển, các quốc gia duyên hải chỉ có 200 hải lý, vừa là vùng đặc quyền kinh tế để đánh cá, vừa là thềm lục địa để khai thác dầu khí. Trong khi đó Hoàng Sa tọa lạc ngoài lục địa Trung Hoa khoảng 270 hải lý, và Trường Sa cách Hoa Lục lối 750 hải lý, nên không thuộc hải phận của Trung Quốc.
Đuối lý về pháp luật, Trung Quốc đưa ra thuyết Biển Lịch Sử để đòi chủ quyền toàn vùng Nam Hải.

Tuy nhiên Tòa Án Quốc Tế và Công Ước Liên Hiệp Quốc Về Luật Biển đã bác bỏ thuyết này.

Thất bại trong thuyết Biển Lịch Sử, Trung Quốc đề ra kế hoạch 4 bước để thôn tính Biển Đông về kinh tế:

1) Ký Hiệp Ước Vịnh Bắc Bộ để hủy bỏ Hiệp Ước Bắc Kinh (theo
đó Việt Nam được 63% hải phận và Trung Hoa được 37%).
Nếu theo đường trung tuyến, Việt Nam sẽ được 53%. Tuy nhiên trên thực tế, phe Cộng Sản không theo đường trung tuyến và đã đưa ra 21 điểm phân định theo đó Việt Nam chỉ còn 45%.

2) Ký Hiệp Ước Hợp Tác Nghề Cá để thiết lập Vùng Đánh Cá Chung rộng 61 hải lý. Và trên thực tế Việt Nam chỉ còn 25% tại vĩ tuyến 17 và 32% tại vĩ tuyến 20. Với các tầu đánh cá lớn trọng tải trên 100 tấn, với các lưới cá dài 50 hải lý, và nhất là với sự đồng lõa cấu kết của đội tuần cảnh duyên hải, toàn thể Vịnh Bắc Việt sẽ biến thành khu vực đánh cá tự do cho đội kình ngư Trung Quốc mặc sức tận thu, vét sạch, và cạn tầu ráo máng.

3) Từ đánh cá chung đến hợp tác khai thác dầu khí chỉ còn một bước. Trong Hiệp Ước Vịnh Bắc Việt có điều khoản quy định rằng, khi dầu khí được phát hiện, hai bên sẽ khởi sự hợp tác khai thác dầu khí.

Ngày nay tại Vịnh Bắc Việt, Trung Quốc đề ra nhiều dự án thăm dò và khai thác dầu khí, như "Dự Án Quỳnh Hải" phía Tây đảo Hải Nam và "Dự Án Vịnh Bắc Bộ" phía Bắc vĩ tuyến 20. (Khi dùng danh xưng "Vịnh Bắc Bộ", Trung Quốc mặc nhiên nhìn nhận đó là Vịnh của Việt Nam về phía Bắc. Vì nếu là củaTrung Quốc thì phải gọi là Vịnh Nam Bộ mới đúng địa lý).

4) Với chính sách vết dầu loang, sau khi hoàn thành kế hoạch hợp tác đánh cá và khai thác dầu khí chung tại Vịnh Bắc Việt, hai bên sẽ tiến tới việc hợp tác đánh cá và khai thác dầu khí chung tại miền duyên hải Trung và Nam Việt. Điều đáng lưu ý là vùng lãnh hải này thuộc khu đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam nên thuộc chủ quyền tuyệt đối của Việt Nam.

Bằng kế hoạch thôn tính 4 bước, Bắc Kinh buộc Hà Nội hiến dâng toàn thể lãnh hải Việt Nam từ Vịnh Bắc Việt đến miền duyên hải Trung và Nam Việt tại Hoàng Sa Trường Sa theo lời cam kết của Hồ Chí Minh (Phạm Văn Đồng chỉ là kẻ thừa sai, bất lực, không có cả quyền bổ nhiệm một thứ trưởng theo lời tự thú của đương sự).

Như vậy, thuyết Biển Lịch Sử từng bị Tòa Án Quốc Tế và Công Ước về Luật Biển bác bỏ, nay lại có cơ hội trở thành hiện thực do kế hoạch 4 bước của Trung Quốc để thôn tính Biển Đông.

XÂM LẤN VÀ THÔN TÍNH

Sau đây là tiến trình xâm lấn và thôn tính Biển Đông của Trung Quốc trong 60 năm qua.

Năm 1945, sau Thế Chiến II, quân đội Trung Hoa giải giới quân đội Nhật đã thừa cơ chiếm cứ các đảo Hoàng Sa thuộc nhóm Tuyên Đức.

Năm 1946 Trung Hoa đổi tên vùng biển Nam Hải thành Đặc Khu Hành Chánh Hải Nam, và đổi tên Hoàng Sa thành Tây Sa và Trường Sa thành Nam Sa.

Năm 1956, để phát động chiến tranh võ trang thôn tính Miền Nam, Hà Nội phải trông cậy vào sự yểm trợ của Bắc Kinh. Vì sau cái chết của Stalin năm 1953, Liên Xô muốn chuyển sang đường lối Chung Sống Hòa Bình. Trong khi đó Mao Trạch Đông vẫn chủ trương "giải phóng 1000 triệu con người Á Châu khỏi ách Đế Quốc Tư Bản".

Theo luật vay trả, muốn được cưu mang yểm trợ, phải có sự cam kết đền ơn trả nghĩa.

Ngày 15-6-1956, Ngoại Trưởng Ung Văn Khiêm minh thị tuyên bố:

"Hà Nội nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc tại Hoàng Sa và Trường Sa mà Trung Quốc gọi là Tây Sa và Nam Sa".
Ngày 14-9-1958 do văn thư của Phạm Văn Đồng gởi Chu Ân Lai,
Hồ Chí Minh, Chủ Tịch Đảng, Chủ Tịch Nước, xác nhận chủ quyền của Trung Quốc tại Hoàng

Sa và Trường Sa.
Để biện minh cho lập trường của Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng, một tháng sau khi Trung Quốc tiến chiếm Trường Sa, báo Nhân Dân, cơ quan chính thức của Đảng Cộng Sản, trong số ra ngày 26-4-1988 đã viết: "Trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược thì Việt Nam phải tranh thủ sự gắn bó của Trung Quốc, và ngăn chặn Hoa Kỳ sử dụng hai quần đảo nói trên".

Và hồi tháng 5-1976, báo Saigon Giải Phóng trong bài bình luận việc Trung Quốc chiếm Hoàng Sa bằng võ lực năm 1974, đã viết: "Trung Quốc vĩ đại đối với chúng ta không chỉ là người đồng chí, mà còn là người thầy tin cẩn đã cưu mang chúng ta nhiệt tình để chúng ta có ngày hôm nay. Vì vậy chủ quyền Hoàng Sa thuộc Việt Nam hay thuộc Trung Quốc cũng vậy thôi !".

Có 3 lý do được viện dẫn cho lời cam kết của Hồ Chí Minh năm 1958:

a) Vì Hoàng Sa, Trường Sa tọa lạc tại các vĩ tuyến 17-7 (Quảng Trị-
Nam Cà Mâu) nên thuộc hải phận Việt Nam Cộng Hòa. Đối với Hà Nội nhượng Hoàng Sa, Trường Sa cho Trung Quốc trong thời điểm này chỉ là bán da gấu!

b) Sau này, do những tình cờ lịch sử, nếu Bắc Việt thôn tính được Miền Nam thì mấy hòn đảo san hô tại Biển Đông đâu có ăn nhằm gì so với toàn thể lãnh thổ Việt Nam?

c) Giả sử cuộc "giải phóng Miền Nam" không thành, thì việc Trung
Quốc chiếm Hoàng Sa Trường Sa thuộc lãnh hải Việt Nam Cộng Hòa cũng có tác dụng làm suy yếu phe quốc gia về kinh tế, chiến lược và an ninh quốc phòng.

Năm 1972, sau thất bại Tết Mậu Thân (1968), để phát động chiến dịch Tổng Tấn Công Xuân Hạ hay Mùa Hè Đỏ Lửa, Hà Nội huy động toàn bộ các sư đoàn chính qui vào chiến trường Miền Nam. Để bảo vệ an ninh quốc ngoại chống sự phản kích của quân lực Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ (như trong Chiến Tranh Triều Tiên), Hà Nội đã nhờ 300 ngàn quân Trung Quốc mặc quân phục Việt Nam đến trú đóng tại 6 tỉnh biên giới Bắc Việt.

Trong thời gian này, với thế thượng phong của người thầy cưu mang (và với sự ưng thuận mặc nhiên của Bắc Việt) Trung Quốc tự tiện ấn định Vùng Biển Cấm (Hands-Off Area) tại Vịnh Bắc Việt, cấm ngư dân Việt Nam không được lai vãng. Đây là vùng biển sâu giữa Vịnh có nhiều cá lớn và nhiều tiềm năng dầu khí.

Vùng Biển Cấm diện tích 7200 hải lý vuông, rộng 60 hải lý (1 kinh độ) từ kinh tuyến 107 Đông (phía Việt Nam) tới kinh tuyến 108 Đông (phía Hải Nam), và dài 120 hải lý (2 vĩ độ), từ vĩ tuyến 20 Bắc (Ninh Bình) đến vĩ tuyến 18 Bắc (Hà Tĩnh).

Theo lời thú nhận của Thứ Trưởng Ngoại Giao Lê Công Phụng từ đầu thập niên 1970, trong những cuộc thương thảo phân định lãnh hải, Trung Quốc "kiên trì" đề nghị thiết lập vùng đánh cá chung tại Vịnh Bắc Việt.

Với Hiệp Ước Vịnh Bắc Việt và Hiệp Ước Hợp Tác Đánh Cá năm 2000, Vùng Biển Cấm 60 hải lý từ Ninh Bình đến Hà Tĩnh chồng lấn hay trùng điệp với Vùng Đánh Cá Chung 61 hải lý từ Ninh Bình đến Quảng Bình.

Năm 1974 sau khi Hoa Kỳ rút quân khỏi chiến trường Việt Nam, Trung Quốc thừa cơ chiếm nốt các đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm Nguyệt Thiềm. Nếu hải quân Việt Nam Cộng Hòa đã hy sinh chiến đấu thì Bắc Việt chỉ làm thinh. Rồi trơ trẽn ngụy biện: "Chủ quyền Hoàng Sa thuộc Việt Nam hay thuộc Trung Quốc cũng vậy thôi !" (Báo Saigon Giải Phóng).

Năm 1979 Chiến Tranh Việt Trung bùng nổ làm đình hoãn cuộc thương nghị về lãnh thổ và lãnh hải.

Tranh chấp Việt Trung kéo dài từ 1979 đến 1988. Trong thời gian này, ngày 12-11-1982 bằng văn thư gởi Liên Hiệp Quốc để công bố Đường Căn Bản của Biển Lãnh Thổ, Hà Nội đã xác định chủ quyền lãnh thổ Vịnh Bắc Việt theo Hiệp Ước Bắc Kinh (1887) theo đó Việt Nam được 63%.

Từ 1988, khi Liên Xô bị sa lầy tại A Phú Hãn và bị bối rối tại Đông Âu do phong trào Giải Thể Cộng Sản, Gorbachev đưa ra chủ trương không can thiệp vào công việc của các quốc gia đồng minh. Lúc này Hà Nội cũng bị sa lầy tại Căm Bốt. Vì Liên Xô không còn là chỗ tựa, Hà Nội phải muối mặt quay lại thần phục Bắc Kinh. Tháng 4, 1988, một tháng sau khi Trung Quốc xâm lấn Trường Sa, Báo Nhân Dân còn ngụy biện rằng Việt Nam đã nhượng Hoàng Sa Trường Sa cho Trung Quốc để ngăn chận Hoa Kỳ sử dụng hai quần đảo nói trên!

Năm 1991 khi Liên Xô sụp đổ, Việt Nam xin tái lập bang giao với Trung Quốc. Và năm 1992 khi Trung Quốc chiếm bãi dầu khí Vạn An phía Đông Nam Cà Mau, Việt Nam cũng chỉ phản kháng chiếu lệ.

Năm 1999, với Hiệp Ước Biên Giới Việt Trung, Việt Nam nhượng cho Trung Quốc khoảng 800 km2 lãnh thổ Bắc Việt.

Năm 2000, với Hiệp Ước Vịnh Bắc Việt, Hà Nội nhượng cho Bắc Kinh từ 12.000 km2 đến 21.000 km2 hải phận.

Ngày 25-12-2004 các phái bộ Trung-Việt tổ chức liên hoan ngày kỷ niệm 4 năm ký kết Hiệp Ước Vịnh Bắc Việt và Hiệp Ước Hợp tác Nghề Cá.

Hai ngày sau, ngày 27-12-2004, nhà cầm quyền Bắc Kinh loan báo đã bắt giữ 80 ngư phủ Việt Nam về tội xâm nhập đánh cá bất hợp pháp. Các ngư phủ phản đối, nói họ vẫn truyền nối hành nghề đánh cá tại vùng biển này từ đời ông, đời cha. Nhưng lính tuần duyên Trung Quốc trả lời đã có hiệp định mới, và vùng biển này chính thức thuộc về Trung Quốc. Các ngư phủ không chịu, đòi báo cáo lên đội biên phòng Việt Nam. Lính hải quân Trung Quốc cười ngạo nghễ, ném thuốc nổ gần tàu, rồi lái tầu tuần duyên tông vô các tàu đánh cá khiến 23 ngư dân Việt Nam tại Đà Nẵng và Quảng Ngãi bị chết chìm, 6 người bị thương và 10 tàu đánh cá bị hư hỏng. Một số ngư dân khác tại Bình Định và Khánh Hòa cũng bị xua đuổi không được đến đánh cá tại ngoài khơi vùng biển Hoàng Sa. Những vụ sát hại dã man này không được phổ biến trên báo chí.

Hai tuần sau, ngày 8-01-2005, tại Vịnh Bắc Bộ, các tàu tuần duyên Trung Quốc bao vây và bắn xối xả vào các tàu đánh cá Việt Nam khiến 9 ngư dân Thanh Hóa bị thiệt mạng, 7 người bị thương và 8 người khác bị bắt đem đi.

Khi nội vụ phát giác, nhà cầm quyền Hà Nội còn muốn đổ tội cho “bọn hải tặc”. Trong khi đó, một vài tờ báoViệt Nam lại loan tin các ngư phủ Việt Nam bị “tàu nước ngoài" bao vây và dùng súng bắn xối xả. Và các hãng thông tấn ngoại quốc như AFP, Reuters đã xác định rằng đó chính là những tàu tuần duyên Trung Quốc. Vậy mà nhà cầm quyền Hà Nội chỉ dám phản kháng lấy lệ, chỉ lên án những hành động tự phát của các binh sĩ Trung Quốc và yêu cầu trừng phạt những cá nhân phạm pháp.

Thực ra đây không phải là những hành vi tự phát lẻ loi của một số binh sĩ vô trách nhiệm mà là cả một chính sách khủng bố của Trung Quốc để ngăn cấm ngư dân Việt Nam không được đến đánh cá tại vùng biển sâu, dành cho Trung Quốc độc quyền đánh cá, thăm dò và khai thác dầu khí. Hồi tháng 11, 2004, Trung Cộng còn ngang nhiên đưa một giàn khoan dầu khí từ Thượng Hải vào thềm lục địa Việt Nam chỉ cách bờ biển 63 km.

Ngày nay mọi người mới nhìn thấy ý đồ của Trung Quốc: Vùng Đánh Cá Chung quy định trong Hiệp Ước Hợp Tác Nghề Cá chỉ là sự biến hình của Vùng Biển Cấm, cấm địa hay cấm hải do Trung Quốc ấn định từ đầu thập niên 1970. Mãi tới tháng 8, 2002 chính phủ Việt Nam mới lên tiếng phản đối việc Trung Quốc ấn định Vùng Biển Cấm đánh cá tại Vùng Đánh Cá Chung.

Từ sau ngày 30-6-2004 khi Hiệp Ước Vịnh Bắc Việt và Hiệp Ước Hợp Tác Đánh Cá có hiệu lực thi hành, Trung Quốc tự ban cho họ độc quyền thao túng tại Vùng Biển Cấm trong Vịnh BắcViệt cũng như tại miền duyên hải Trung Việt. Theo ghi nhận của đội biên phòng Việt Nam, nội trong năm 2004, riêng tại vùng biển Đà Nẵng, các tàu thuyền Trung Quốc đã xâm nhập hải phận Việt Nam 1017 lần. Vậy mà không thấy có phản ứng nào về phía Việt Nam.

Thừa thắng xông lên, từ tháng 10 đến tháng 12/2004, lính hải quân Trung Quốc đã sát hại 23 ngư dân Đà Nẵng và Quảng Ngãi.

Ngày 8-1-2005, các tàu tuần duyên Trung Quốc lại dùng đại liên bắn chết 9 ngư dân Thanh Hóa trong Vùng Biển Cấm tại Vịnh Bắc Việt. Đây là những hành động cố sát có dự mưu trong đó Việt Cộng là kẻ đồng lõa bằng cách giúp phương tiện.

Một tuần sau vụ khủng bố 8-1-2005, Trung Quốc đổi giọng, bịa đặt rằng lực lượng tuần duyên Trung Quốc chỉ bắn chết những kẻ cướp có vũ khí khi những người này định cướp tàu đánh cá của Trung Quốc. Độc đáo hơn nữa, các tàu đánh cá (tí hon) của Việt Nam đã nổ súng trước vào các tàu tuần duyên (có trang bị súng đại liên) của Trung Quốc! Vừa đánh trống vùa ăn cướp, Trung Quốc muốn biến vụ cố sát của họ thành vụ cướp biển của hải tặc để đòi quyền tự vệ chính đáng. Theo qui định của Ủy Ban Liên Hợp, đối với các ngư dân hoạt động bình thường, các tàu biên phòng không được dùng võ khí để hăm dọa, bạo hành, đả thương hay cố sát. Các biện pháp xử lý chỉ có tính cách hành chánh như bắt giữ các ngư thuyền vi phạm qui luật, nhưng phải trả tàu và trả tự do cho ngư dân khi có sự bảo lãnh thích đáng.

Trong vụ khủng bố tại Vịnh Bắc Việt và vùng biển Hoàng Sa, lính tuần duyên Trung Quốc đã giết người vô tội vạ trong chính sách “sát nhất nhân, vạn nhân cụ” (giết một số ngư dân vô tội khiến hàng vạn người khác sợ không dám đi đánh cá tại miền duyên hải xa bờ).

TRƯỚC TÒA ÁN QUỐC DÂN

Tháng 6, 2004 khi các Hiệp Ước Vịnh Bắc Việt có hiệu lực thi hành, thay mặt đồng bào trong nước không còn quyền được nói, Ủy Ban Luật Gia Bảo Vệ Dân Quyền tại hải ngoại đã kết án Đảng Cộng Sản Việt Nam về 4 tội phản bội tổ quốc, với phần chủ văn như sau:

"Năm 1999 Đảng Cộng Sản Việt Nam ký Hiệp Định Biên Giới Việt Trung để nhượng đất biên giới cho Trung Quốc.

"Năm 2000, Đảng Cộng Sản Việt Nam ký Hiệp Định Phân Định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp Định Hợp Tác Nghề Cá để bán nước Biển Đông và dâng cá dâng dầu cho Trung Quốc.

"Năm 1958 bằng văn thư của Phạm Văn Đồng, Đảng Cộng Sản Việt Nam cam kết chuyển nhượng các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc.

"Những hành vi này cấu thành 4 tội phản bội Tổ Quốc bằng cách cấu kết với nước ngoài nhằm xâm phạm chủ quyền của quốc gia, xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ Quốc, và xâm phạm quyền của Quốc Dân được sử dụng đầy đủ những tài nguyên và nguồn lợi thiên nhiên của Đất Nước".

T.M. ỦY BAN LUẬT GIA BẢO VỆ DÂN QUYỀN
L.S. NGUYỄN HỮU THỐNG